TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 01 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân

2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Thanh Tòng, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 548/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số 01/TB-TA ngày 26/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1981;

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1983;

Cùng cư trú tại: Tổ 9, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị L, anh L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2017 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Lê Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2008 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống những năm đầu hạnh phúc nhưng từ năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị và anh L bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Nay chị thấy sống không hạnh phúc và không thể tiếp tục kéo dài tình trạng nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về nuôi con chung: Chị và anh L chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày 13/5/2010. Hiện nay con đang sống cùng chị và anh L. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản biên bản ghi lời khai ngày 23/11/2017 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Lùng chung sống từ năm 2008 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, không thể sống kéo dài tình trạng này nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

- Về nuôi con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Phạm Minh S, sinh ngày 13/5/2010. Hiện nay con đang sống cùng anh và chị L. Chị L yêu cầu nuôi con, anh đồng ý giao con cho chị L nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

- Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2008 đến nay có đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Việc chị L và anh L thỏa thuận giao cho chị Lg được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày

13/5/2010. Chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 đến nay có đủ điều kiện đăng ký kết hôn được quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc chung sống của chị L, anh L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị L yêu cầu ly hôn căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Xét việc chị L, anh L thỏa thuận giao cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày 13/5/2010. Chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị L đã được giải thích về quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng chị L vẫn không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh L không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày 13/5/2010 cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0004749 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THA DS huyện TB;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã T;
- Lưu.(D).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Mai Thị Kim Thu